

HỌC THUYẾT VỀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII: SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ SUY NGẪM BAN ĐẦU VỀ CÁCH TIẾP CẬN VẤN ĐỀ ĐẶT RA

LÊ CẨM* - ĐÌNH HOÀNG QUANG**

Ngày nhận bài: 15/6/2021; Biên tập xong: 21/6/2021; Duyệt đăng: 02/8/2021

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (từ ngày 25/01/2021 đến ngày 02/02/2021) từ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (BCHTW) đến Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của xây dựng pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự (PLHS) như: *“Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch... lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân... làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo...”*¹. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã ghi nhận sự cần thiết cấp bách của việc *“hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật”*². Bằng cách đó, ý tưởng hoàn thiện *“đồng bộ”* hệ thống pháp luật của Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đặt ra đối với tất cả toàn bộ (tức đồng bộ) hệ thống của tất cả các chuyên ngành thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam đương đại (như PLHS, pháp luật tố tụng hình sự - TTHS, pháp luật hành chính - PLHC, pháp luật tố tụng hành chính - TTHC, pháp luật dân sự - PLDS, pháp luật tố tụng dân sự - TTDS...) vì phạm trù *“đồng bộ”* ở đây có thể được hiểu theo 01 trong 02 nghĩa là 1) *“đồng bộ”* của toàn bộ hệ thống 01 ngành luật riêng biệt nào đó (nghĩa hẹp) hoặc là, 2) *“đồng bộ”* của toàn bộ các hệ thống tương ứng với tất cả các ngành luật trong hệ thống pháp luật hiện hành (chứ không phải chỉ riêng 01 hay 02 - 03 ngành luật cụ thể nào).

Do vậy, chính quan điểm này tại Đại hội XIII của Đảng đang đặt ra nhiệm vụ rất to lớn và quan trọng đối với tất cả các chuyên ngành khoa học pháp lý (KHPL) Việt Nam

đương đại trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam đích thực là *“của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân”* như Hiến pháp nước ta (khoản 1 Điều 2) đã ghi nhận và tuyên bố trước toàn thế giới; đồng thời để *triển khai có hiệu quả trên thực tế các luận điểm mang tính chỉ đạo nêu trên của các văn kiện tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII* trong các lĩnh vực của đời sống xã hội (như chính trị, kinh tế, pháp luật, văn hóa...), cũng như trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của nước ta với các nước trong khu vực Đông Nam Á và trên toàn thế giới hiện nay. Bởi vậy, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lý luận những vấn đề học thuật mang tính quan điểm với tư cách là các bộ phận cấu thành của Học thuyết³ về hoàn thiện hệ thống PLHS

* Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Giám đốc Trung tâm Luật hình sự và Tội phạm học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

** Tiến sĩ, Giảng viên chính, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

³ Xung quanh thuật ngữ *“Học thuyết”* thì các quan điểm của các nhà khoa học Việt Nam hầu như tương tự như nhau và về cơ bản, chúng tôi cũng đồng nhất với các quan điểm của họ. Chẳng hạn như: 1) PGS.TS Ngô Doãn Vịnh khi phân biệt 02 phạm trù *“thuyết”* và *“học thuyết”* đã viết: *“thuyết phải phản ánh hệ thống tư tưởng, quan điểm về một đối tượng nghiên cứu cụ thể của người đề xướng. Người đề xướng thuyết rất coi trọng quy luật của triết học, am hiểu sâu sắc về đối tượng của thuyết và giỏi về kiến giải của thuyết, họ là nhà khoa học thực sự. Đã là thuyết thì phải mang tính chân thực rất cao”,* và khi *“một thuyết có tính học thuật về một vấn đề hay một lĩnh vực nào đó xem như học thuyết. Nội hàm của học thuyết là phản ánh những vấn đề có tính nguyên tắc và có tính khoa học để chỉ dẫn hành vi của con người nhằm đạt được mục tiêu mong muốn. Học thuyết được*

^{1, 2} Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội, 2021. Tập I, tr.177; Tập II, tr.336-337

Việt Nam hiện hành sẽ có ý nghĩa to lớn và quan trọng trên 05 bình diện (mặt) về *chính trị* (1), *lập pháp hình sự* (LPHS) (2), *lý luận* (3), *nhận thức khoa học* (4) và *thời gian nghiên cứu* (5) dưới đây.

1.1. Trước hết, về mặt **chính trị**, như chúng ta đã nhận thấy qua các luận điểm của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã được nêu ở trên, vai trò quan trọng và sự cần thiết cấp bách phải *hoàn thiện pháp luật* (trong đó có PLHS) Việt Nam chính là “*nhiệm vụ trọng tâm*” thứ 5 từ 6 *nhiệm vụ trọng tâm*. Đồng thời, nhiệm vụ này cũng được coi là thuộc nội dung của “*khâu đột phá chiến lược*” thứ nhất (1) trong 3 *khâu đột phá chiến lược* được đặt ra cho toàn nhiệm kỳ 05 năm của Đại hội XIII (2021-2025)⁴.

1.2. Hai là, về mặt **LPHS**, ngay cả trong suốt chặng đường 30 năm hình thành, phát triển và tiếp tục phát triển *kể từ sau khi pháp điển hóa lần thứ nhất đến khi pháp điển hóa lần thứ ba* (1985-2015), mặc dù hệ thống PLHS thực định Việt Nam luôn là công cụ sắc bén và hữu hiệu hơn cả so với tất cả các ngành luật khác trong việc bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân, cũng như các lợi ích hợp pháp của xã hội và của Nhà nước; nhưng rõ ràng là cho đến nay, nếu xét về mặt LPHS thì hệ thống PLHS thực định hiện hành vẫn chưa thực sự được hoàn thiện một cách “*đồng bộ*” để tương ứng theo đúng với các chế định lớn thuộc *Phần chung* và *Phần riêng* (tức *Phần các tội phạm*) trong Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 hiện hành; đồng thời còn tồn tại nhiều nhược điểm về kỹ thuật lập pháp (KTLP) cần phải được tiếp

tục suy ngẫm để loại trừ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thực tiễn áp dụng PLHS của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án. Do đó, rõ ràng Đại hội XIII đã đặt ra yêu cầu rất phù hợp, có lợi cho thực tiễn áp dụng pháp luật nói chung (trong đó có thực tiễn áp dụng PLHS) là “*Gắn chặt chẽ xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật*”⁵.

1.3. Ba là, về mặt **lý luận**, trong suốt 76 năm qua, kể từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và thành lập nên Nhà nước Việt Nam sau Cách mạng năm 1945 đến nay (2021), trong các *xuất bản phẩm* của KHPL nói chung và của KHPL hình sự nói riêng của nước nhà vẫn chưa hề có bất kỳ 01 công trình nghiên cứu *chuyên khảo, toàn diện và có hệ thống* nào mà trong đó đưa ra các luận chứng khoa học cho 01 hệ thống những vấn đề lý luận mang tính quan điểm với tư cách là các bộ phận cấu thành của *Học thuyết* riêng biệt về hoàn thiện “*đồng bộ*” hệ thống PLHS theo đúng như tinh thần về *hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật* mới được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đưa ra.

1.4. Bốn là, về mặt **nhận thức khoa học**, bên cạnh các nghiên cứu chuyên khảo về các chủ đề khác trong hệ thống PLHS nói riêng và trong các hệ thống của các chuyên ngành pháp luật khác thuộc hệ thống pháp luật quốc gia (mà chắc chắn cũng sẽ được triển khai) nói riêng; đồng thời, nếu căn cứ vào sự giải thích đã nêu trên mà thuật ngữ “*hoàn thiện*” được hiểu là “*tốt đẹp đến mức trọn vẹn, hoàn hảo*”⁶ thì có thể khẳng định rằng, từ trước đến nay hầu như chưa có công trình nghiên cứu chuyên khảo nào làm sáng tỏ một cách đầy đủ, đồng bộ và toàn diện về mặt lý luận những vấn đề học thuật với tư cách là phạm trù NCKH riêng biệt nhằm xây dựng (tạo ra) được bộ công cụ (phương tiện) khoa học mang tính quan điểm để áp dụng cho đối tượng mà nó (bộ công cụ đó) tác động đến - *hoàn thiện hệ thống PLHS*. Vì vậy, việc nghiên cứu chuyên khảo về *Học thuyết* hoàn thiện hệ thống PLHS Việt Nam sau Đại hội Đảng XIII trong bài viết này sẽ góp phần nhất định vào việc làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan

đề xướng bởi một người hoặc một nhóm người” - Xem cụ thể hơn: PGS. TS. Ngô Doãn Vinh. Bàn về vấn đề lý luận (Sách chuyên khảo). NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2009, các tr.146-153.; 2) Còn GS.TS Nguyễn Như Ý và tập thể tác giả của mình thì giải thích thuật ngữ “*Học thuyết*” rằng: “*Học thuyết là toàn bộ tri thức khoa học được trình bày một cách có hệ thống nhằm lý giải những vấn đề ở những lĩnh vực cụ thể trong khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội*” - Xem cụ thể hơn: Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển tiếng Việt. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010, tr.727.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Sđd, 2021. Tập I, tr.179, 199-203.

^{5,6} GS. TS. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển Tiếng Việt. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010. tr.720.

và nâng cao nhận thức của giới luật học nói riêng và toàn xã hội nói chung về các luận điểm “hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật” mà Đảng đã đưa ra.

1.5. Và cuối cùng, *năm là*, nếu xét về mặt thời gian thì đến nay (2021), các luận điểm về “hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật” do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII chỉ vừa mới đưa ra được gần 01 năm (cuối tháng 01, đầu tháng 02 năm 2021) nên việc các nhà khoa học - luật gia bắt đầu triển khai các nghiên cứu tương ứng với các chuyên ngành pháp luật (trong đó có PLHS) của hệ thống pháp luật Việt Nam là cần thiết.

2. Như vậy, những vấn đề được phân tích trên đây đã cho chúng ta đầy đủ cơ sở chắc chắn để có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn hiện nay, cùng với các nghiên cứu đồng bộ khác về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành (nói chung), rõ ràng việc nghiên cứu những vấn đề học thuật về hoàn thiện hệ thống PLHS (nói riêng) với tư cách là 01 hệ thống những vấn đề lý luận mang tính quan điểm riêng biệt để góp phần soạn thảo ra Học thuyết về những vấn đề học thuật tương ứng của KHPL hình sự nói riêng là có tính cấp bách và cũng là nhiệm vụ cần thiết, quan trọng để đóng góp cùng với các chuyên ngành khoa học luật khác của KHPL nước nhà vào quá trình “*nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp*”⁷ mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đã vạch ra.

II. LUẬN BÀN VỀ ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1. Về mốc thời gian cuối được xác định cho việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật (trong đó có PLHS) theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ XIII. Như chúng ta đã biết, sau khi *nghiêm túc rút kinh nghiệm* của giai đoạn trước đây (khi vào năm 2005 ban hành Chiến lược “*Về xây dựng và hoàn thiện pháp luật đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020*” và Chiến lược “*Về cải cách tư pháp đến năm 2020*” đều đưa ra mốc cuối cùng là vào năm 2020

cần phải hoàn thành xong. Tuy nhiên, khi tổng kết lại thì vẫn còn một số vấn đề tuy đã được 02 Chiến lược đó đặt ra nhưng đều chưa hoàn thành như: Hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa thực sự hoàn thiện, các Cơ quan điều tra rõ ràng là vẫn chưa được “*thu về một mối*” mà vẫn còn nằm rải rác tại các cơ quan Nhà nước khác nhau, vấn đề “*tăng cường sự chỉ đạo của Công tố đối với hoạt động điều tra*” vẫn chưa thực hiện được một cách triệt để...). Do đó, trong Báo cáo Chính trị của BCHTW tại Đại hội Đảng lần thứ XIII lần này đã *hết sức thận trọng cân nhắc* khi xác định mốc thời gian cuối cùng cho việc *Nghiên cứu, ban hành* Chiến lược xây dựng NN PQ XHCN Việt Nam (trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp (CCTP) là “*đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*”⁸. Và cần lưu ý rằng, đây mới chỉ là mốc thời gian cuối cùng cho việc “*nghiên cứu, ban hành*” Chiến lược đã nêu, chứ chưa phải cho việc “*hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật*”, vì theo Mục XV trong Báo cáo Chính trị này thì việc “*hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật*” được coi là *nhiệm vụ trọng tâm thứ 5* trong 6 nhiệm vụ trọng tâm và thuộc *khâu đột phá chiến lược* đầu tiên về (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế⁹.

2. Về không gian và thời gian của việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật (trong đó có PLHS) theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ XIII. Như vậy, theo chúng tôi, quan điểm hết sức bình tĩnh và không nóng vội khi quyết định đường lối cho việc hoạch định và soạn thảo những vấn đề liên quan đến pháp luật và CCTP như trên của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII là rất sáng suốt. Đặc biệt, trong việc lĩnh hội ý tưởng của phạm trù “*hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật*” nói chung (trong đó có hệ thống PLHS) mà Đại hội XIII đã đặt ra trước các chuyên ngành KHPL Việt Nam (trong đó có KHPL hình sự) thì trước hết, các nhà khoa học - luật gia nước ta cần có sự nhận thức khoa học một cách đúng đắn và chính xác rằng phạm trù này bao hàm một phạm vi vô cùng rộng lớn và phong phú, đa dạng và phức tạp (cả về không

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Sđd. Tập I, tr. 177.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Sđd. Tập I, các tr.174-176.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Sđd. Tập I, các tr.203-203.

gian và thời gian). Bởi lẽ, sự sáng suốt của quan điểm *hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật* nói chung (mà Đại hội XIII đã đưa ra) là ở chỗ:

2.1. Nếu xét về mặt không gian thì phạm trù “*hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật*” nói chung (trong đó có hệ thống PLHS) theo tinh thần Đại hội XIII ngụ ý là phải cùng *hoàn thiện đồng bộ tất cả các hệ thống của các chuyên ngành luật khác nhau* trong NNQP Việt Nam nữa, chứ không thể và không phải chỉ có riêng 01 hay vài chuyên ngành luật nào. Bởi lẽ, hệ thống pháp luật nói chung của một quốc gia bao gồm rất nhiều các hệ thống của các chuyên ngành pháp luật khác nhau thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội như: PLHS, pháp luật TTHS, pháp luật thi hành án hình sự (THAHS), PLHC, pháp luật TTHC, PLDS, pháp luật TTDS...

2.2. Còn nếu xét về mặt thời gian thì phạm trù “*hoàn thiện đồng bộ*” hệ thống pháp luật nói chung cũng có nghĩa là phải *hoàn thiện tất cả các ngành pháp luật khác nhau* như đã nêu trên. Do đây là công cuộc đầy khó khăn, lâu dài và phức tạp nên đòi hỏi cần phải được triển khai trong thời gian rất lâu dài trong khoảng vài chục năm và thậm chí lâu hơn nữa (chứ không đơn giản là chỉ trong 5 đến 7 năm mà có thể khiến cưỡng vội vã gọi ngay lập tức là hệ thống pháp luật nói chung đó đã “*hoàn thiện đồng bộ*” được). Bởi lẽ, nếu xét về mặt thời gian thì thực tiễn các hoạt động khác nhau trong đời sống pháp lý đã minh chứng cho ngạn ngữ rất đúng của ông cha rằng “*dục tốc thì bất đạt*” (nghĩa là nếu hối thúc, bắt ép cho nhanh thì sẽ không thành) vì rõ ràng là nếu cứ bất chấp quy luật, nôn nóng và vội vàng muốn soạn thảo 01 đạo luật nào đó (như BLHS) thì kết quả là đạo luật đó sẽ bị hỏng. Chính vì vậy, có lẽ nếu trong một thời gian ngắn (ví dụ: dưới 5 đến 7 năm) 01 hệ thống pháp luật riêng biệt nhất định nào đó có thể được coi là “*hoàn thiện đồng bộ*” thì may ra chỉ có thể đúng trong trường hợp như nhóm các luật gia thuộc cùng 01 chuyên ngành pháp luật riêng biệt đó phải cùng có ít nhất là 03 điểm tốt phổ biến (đã từng được các nhà nghiên cứu tôn giáo học & tâm lý học, đạo đức học & luật học cùng nghiên cứu trong nhiều năm và cũng đã từng chỉ ra) như: 1) Thực sự có Phật tính (chứ không giả vờ),

biết sống vị tha, vì lợi ích chung của Tổ quốc, xã hội và thương yêu thực sự những người chăm chỉ lao động - nghèo khổ, không tham lam, hay làm việc thiện và tránh xa việc ác; 2) Biết bảo nhau để cùng (và tự mình) làm việc hăng say và mẫn cán, tích cực học hỏi để mở mang trí tuệ và gần gũi quần chúng nhân dân, và; 3) Có sự nhận thức và hiểu biết sâu sắc để thực hiện tốt trên thực tế lời dạy của Đảng “*nói đi đôi với làm*”, tránh ba hoa và “*nói nhiều và làm ít*” (mà cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã từng đưa ra trước đây và hiện nay Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã kế thừa và đang kêu gọi chúng ta tích cực thực hiện)¹⁰.

2.3. Như vậy, hệ thống PLHS nói riêng

¹⁰ Ngoài 03 đặc điểm tốt đã nêu trên thì các nhà nghiên cứu tôn giáo học & tâm lý học, đạo đức học & luật học cùng đã nghiên cứu trong nhiều năm còn chỉ ra 06 đặc điểm xấu mà con người cần tránh xa để không phạm vào là: 1) Mang nặng tư tưởng bè phái-lợi ích nhóm đến mức đã trở nên cố hữu-không thay đổi được vì đã ăn sâu ở trong cả trái tim và khối óc con người (thậm chí cả chục năm và hơn nữa vẫn không thể sửa chữa được) nên thường hay gây mất đoàn kết nội bộ - xúi nguyên dục bị (chuyên nói xấu và đâm thọc sau lưng người khác), mỗi khi có dịp là đấu đá-tranh giành quyền lực và lợi ích cho phe nhóm của mình; 2) Có lối sống khôn lỏi, “*đi hòa vi quý*”, cơ hội, thiếu chính kiến, thấy mạnh thì theo-thấy yếu thì bỏ, gió chiều nào-che chiều đó, thấy sai không phê bình-thấy đúng không dám bảo vệ; 3) Thiếu chan hòa với mọi người, có phong cách quan liêu, xa rời quần chúng và dân thường nhưng lại thích gần để xu nịnh người có chức quyền vì mục đích vụ lợi riêng của mình và phe nhóm; 4) Nhỏ nhen, đố kỵ và hay ghen tỵ với thành công của người khác nên thường hay tìm mọi mưu mô, thủ đoạn hại người ta; 5) Kiêu căng, tự phụ và thiếu sự khiêm tốn tới thiếu nhất cần có của 01 người bình thường; và cuối cùng, 6) Nếu đi xét nghiệm máu thì kết quả 98,8% sẽ là dòng máu của sự tham lam-ích kỷ-tư hữu vì loại người này rất mê của cải-vật chất cho dù sự giàu sang đạt được bằng con đường bất chính (như tham ô, tham nhũng, hoặc lạm dụng tính nhiệm, lừa đảo, v.v...mà có) và do vậy, loại người này rất sợ bị bác sỹ xét nghiệm máu. Xem cụ thể hơn: 1) Nguyễn Quang Thái, Tạ Phú Chính và một số tác giả khác. Tri thức bách khoa về những điều cần tránh. NXB Cà Mau. 1998 -1346 tr.; 2) Alexandra David Néel. Tây Tạng: Đạo sư & huyền thuật (Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp của Huỳnh Ngọc Chiển). NXB Tôn giáo. Hà Nội, 2012; 3) Trần Nguyên Chấn.

sau bao nhiêu thời gian nữa mới có thể được gọi là đã “hoàn thiện đồng bộ” ở NNPQ Việt Nam? Thiết nghĩ, sự dứt khoát để khẳng định cho vấn đề này là không một ai trong số các luật gia của nước ta từ các cán bộ thực tiễn làm việc trong các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, cho đến các luật sư hành nghề tự do, cũng như các cán bộ giảng dạy (CBGD), cán bộ nghiên cứu khoa học (NCKH) làm việc trong các Trường/Học viện và Viện NCKH chuyên ngành Luật có thể đưa ra câu trả lời chính xác được. Vì câu trả lời này trước hết là phải thuộc về trách nhiệm của những người làm công tác hoạch định đường lối, chính sách pháp luật (CSPL) của NNPQ Việt Nam. Nhưng mức độ chính xác và đáng tin cậy được của câu trả lời này chỉ có thể được khẳng định khi người có thẩm quyền trả lời có đầy đủ các thông tin chính xác và trung thực về tất cả 03 yếu tố chủ yếu và tối thiểu cần thiết phải có của đội ngũ các cán bộ lãnh đạo và các chuyên gia có trách nhiệm (tức những người trực tiếp tham gia) trong việc trả lời này như sau: 1) Các số liệu điều tra xã hội học cụ thể về trình độ chuyên môn nghiệp vụ (CMNV) theo bằng cấp thật của họ (tránh trường hợp sử dụng bằng cấp giả); 2) Năng lực công tác (NLCT) thực tế, tức sự thể hiện trình độ CMNV của bằng cấp được đào tạo ngay trong thực tiễn công việc được giao và kết quả cụ thể đã được khẳng định sau thời gian tập sự ít nhất là 03 năm (tránh trường hợp trình độ CMNV trong bằng cấp ghi là cao như một số Tiến sĩ, Thạc sĩ Luật nhưng NLCT thực tế còn thua xa cả Cử nhân Luật) của họ; và 3) Khả năng bình tĩnh và tinh thông, nhạy bén và sáng tạo trong việc phản ứng (xử lý) một số tình huống xảy ra trong lĩnh vực chuyên môn của họ (còn gọi khác là sự thông minh hay chỉ số IQ).

3. Các đối tượng nghiên cứu khác nhau về những vấn đề hoàn thiện hệ thống PLHS trong khoa học Luật hình sự Việt Nam từ trước đến nay (ở đây chưa bàn về đối tượng nghiên cứu của chúng tôi trong bài này). Đây

là những vấn đề đa dạng, phức tạp và rất rộng lớn, vì thuật ngữ “hệ thống PLHS” (có thể có 02 từ “nói chung” đằng sau hay không có đều cùng 01 ý nghĩa) ở Việt Nam thường phải được hiểu là tổng thể các quy phạm về tội phạm, hình phạt và các chế định pháp lý hình sự lớn, nhỏ khác thuộc 04 hệ thống các văn bản PLHS do 03 hệ thống các cơ quan công quyền của 03 nhánh quyền lực Nhà nước tự mình (hoặc phối hợp) ban hành như: 1) Hệ thống các văn bản PLHS thực định do Quốc hội (và đôi khi là Ủy ban thường vụ Quốc hội) ban hành; 2) Hệ thống các văn bản PLHS do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ ban hành; 3) Hệ thống các văn bản PLHS do Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) ban hành và; 4) Hệ thống các văn bản PLHS liên tịch do TANDTC cùng phối hợp với VKSNDTC và 01 (các) Bộ nào đó thuộc Chính phủ ban hành. Mặt khác, quan điểm được thừa nhận chung trong các NCKH xã hội và nhân văn nói chung (bao gồm cả trong KHPL nói riêng) từ trước đến nay là: Hầu như sau khi xác định đối tượng nghiên cứu (1) thì logic tiếp theo là cần lần lượt xác định tương ứng một loạt các vấn đề có liên quan đến việc nghiên cứu mà theo thứ tự ở đây chúng tôi sử dụng các ký hiệu mũi tên (→) như: → phạm vi nghiên cứu (2), nhiệm vụ nghiên cứu (3) → mục đích và ý nghĩa của việc nghiên cứu (4) → cơ sở lý luận, cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu (5) → cái mới về mặt khoa học của việc nghiên cứu (6) → và cuối cùng, bố cục của nghiên cứu (7). Tuy nhiên, vì sự rộng lớn, đa dạng, phức tạp của nội dung đang được bình luận nên ở đây, chúng tôi chỉ tạm thời chỉ ra các đối tượng nghiên cứu khác nhau tương ứng về những vấn đề có thể được coi là thuộc phạm vi (hoặc có liên quan hoặc nhằm mục đích) hoàn thiện hệ thống PLHS nói chung (hoặc các quy phạm hay một/nhiều chế định lớn, nhỏ nào đó trong Phần chung hay Phần các tội phạm nói riêng) khi có liên quan đến thuật ngữ “hoàn thiện”. Chẳng hạn, dưới đây là các chủ đề khác nhau nhưng đều có cùng đối tượng nghiên cứu về hoàn thiện hệ thống PLHS trong NNPQ Việt Nam:

3.1. Nhóm các chủ đề về hoàn thiện hệ thống PLHS (mà sau thuật ngữ “PLHS” không chỉ ra cụ thể) thì ngụ ý phải được hiểu là hoàn thiện tất cả 03 hệ thống văn bản PLHS

Gương nhân quả. NXB Hồng Đức. Hà Nội, 2011; 4) *Thích Chân Tĩnh*. Lành dữ nghiệp báo. NXB Tôn giáo. Hà Nội, 2006; 5) *Thích Tâm Thuận* (Sưu tập). Những câu chuyện thiện ác. NXB Tôn giáo. Hà Nội, 2011; 6) *TS Nguyễn Thị Toan*. Giải thoát luận Phật giáo. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2010.

quốc gia do tất cả các hệ thống cơ quan công quyền ở Trung ương thuộc các nhánh quyền lực Nhà nước (đã nêu trên).

3.2. Nhóm các chủ đề về hoàn thiện hệ thống PLHS trong lĩnh vực *lập pháp* (hoặc còn gọi là hệ thống PLHS *thực định*) - hoàn thiện các BLHS hoặc/và các Nghị quyết về hình sự của Quốc hội, cũng như các Pháp lệnh và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3.3. Nhóm các chủ đề về hoàn thiện hệ thống PLHS trong lĩnh vực *hành pháp* - hoàn thiện các Lệnh của Chủ tịch nước, Nghị quyết của Chính phủ và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực hình sự.

3.4. Hoàn thiện hệ thống PLHS trong lĩnh vực *tư pháp* (hoặc chỉ rõ trong các lĩnh vực là *xét xử* và *kiểm sát*) - hoàn thiện các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, các Chỉ thị của Chánh án TANDTC, các Chỉ thị của Viện trưởng VKSNDTC và các văn bản liên tịch về hình sự thuộc nhóm văn bản PLHS thứ 4 (đã nêu trên)...

4. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu về hoàn thiện hệ thống PLHS (nói chung). Chính vì xuất phát từ sự đa dạng, phức tạp và rất rộng của các chủ đề về hoàn thiện PLHS như đã được phân tích ở trên nên trong bối cảnh của không gian và thời gian ở Việt Nam hiện nay, khi thuật ngữ “PLHS” vừa có thể được gọi là “PLHS *nói chung*”, vừa có thể được coi là “PLHS *thực định*” vì nó đã được pháp điển hóa đến lần thứ ba (trong BLHS năm 2015), các tác giả lần lượt xác định một cách cụ thể, chính xác và ngắn gọn *nội hàm* của 03 phạm trù *đối tượng* (1), *nhiệm vụ* (2) và *phạm vi* (3) nghiên cứu được đặt ra trong bài này *nói riêng* cho các nghiên cứu của chúng tôi theo trình tự logic của vấn đề dưới đây:

4.1. *Đối tượng* nghiên cứu (nói chung) của chúng tôi đặt ra là 05 nhóm vấn đề lý luận đã được đặt ra theo trình tự logic (tương ứng với 05 bước) như sau: 1) Phân tích để đưa ra sự nhận thức khoa học đối với các bộ phận cấu thành chủ yếu của Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS; đồng thời → 2) Trên cơ sở nghiên cứu *thực trạng* của hệ thống PLHS *thực định* hiện hành ở Việt Nam; rồi tiếp theo → 3) Xác định *những định hướng cơ bản* của việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống PLHS *thực định* hiện

hành; và cuối cùng, → 4) Đề xuất các *bảo đảm chủ yếu* cho việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống PLHS *thực định* hiện hành ở Việt Nam.

4.2. *Nhiệm vụ* nghiên cứu (nói chung) của chúng tôi là bằng các tri thức và thành tựu của Luật hình sự *triển khai việc phân tích khoa học để làm sáng tỏ về mặt học thuật* 05 nhóm vấn đề lý luận với tư cách là *đối tượng nghiên cứu chuyên khảo* đã được đưa ra trên đây.

4.3. *Phạm vi* nghiên cứu (nói chung) của chúng tôi là soạn thảo về mặt lý luận *những tri thức khoa học về hoàn thiện PLHS nói chung và sự thể hiện (ứng dụng) những tri thức đó vào các quy phạm PLHS thực định Việt Nam hiện hành* nói riêng.

III. LUẬN BÀN VỀ MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1. Mục đích của việc nghiên cứu vấn đề. Như vậy, việc *nghiên cứu chuyên khảo* riêng biệt và *phương pháp tiếp cận vấn đề* như đã nêu trên trong bài viết này là đáp ứng được các yêu cầu mới về mặt khoa học, chính vì thế nó hoàn toàn hợp lý và bảo đảm sức thuyết phục khi những vấn đề nghiên cứu được đặt ra nhằm đạt được 02 mục đích chung (1) và riêng (2) dưới đây:

1.1. Mục đích *chung* của việc nghiên cứu chuyên khảo chủ đề này là làm sáng tỏ về mặt lý luận *nội hàm* những vấn đề học thuật mang tính quan điểm để *xây dựng nên (tức tạo ra được)* 01 bộ công cụ (phương tiện) khoa học là các bộ phận cấu thành của Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS nhằm sau đó, đưa bộ công cụ khoa học của Học thuyết này vào áp dụng trong *thực tiễn* LPHS để sửa đổi - bổ sung, làm cho các quy phạm PLHS *thực định* ngày càng tốt hơn vì sẽ phù hợp với 05 nguyên tắc của LPHS trong NN PQ và đặc biệt là nguyên tắc thứ năm - luôn đáp ứng được đầy đủ 05 tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung về KTLP của 01 văn bản LPHS tốt trong NN PQ¹¹. Như vậy, bằng việc đạt được mục đích chung này, theo logic của sự việc sẽ dẫn đến mục đích riêng dưới đây.

¹¹ Xem cụ thể hơn: GS.TSKH Lê Văn Cẩm (Biên soạn). Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba (Sách chuyên khảo). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018. tr. 82.

1.2. Mục đích *riêng* của việc nghiên cứu chuyên khảo chủ đề trong bài viết này cho thấy, bài viết này có sự khác biệt hoàn toàn (khi đưa ra lựa chọn đối tượng và phạm vi nghiên cứu như đã nêu trên) so với tất cả các công trình nghiên cứu chuyên khảo khác trong khoa học Luật hình sự Việt Nam suốt hơn 76 năm qua¹².

2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu những vấn đề liên quan đến học thuyết về hoàn thiện PLHS có thể nhận thấy rõ trên 03 bình diện (tức 03 lĩnh vực thể hiện) được thừa nhận chung về lý luận (1), thực tiễn (2) và nhận thức khoa học (3) dưới đây của Luật hình sự:

2.1. Về mặt *lý luận* - cái mới về mặt khoa học của nghiên cứu này ở chỗ đây là công trình nghiên cứu đầu tiên trong các xuất bản phẩm của khoa học luật hình sự Việt Nam kể từ sau Cách mạng Tháng 8/1945 đến nay để *cập riêng* đến việc phân tích một cách sâu sắc để giải quyết và làm sáng tỏ về mặt lý luận nhằm xây dựng nên một hệ thống những vấn đề học thuật mang tính quan điểm liên quan đến Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS.

2.2. Về mặt *thực tiễn* - các luận điểm của học thuyết về hoàn thiện PLHS trong bài viết này là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích có thể được ứng dụng trực tiếp vào các hoạt động *thực tiễn về LPHS* và áp dụng PLHS, nhất là

30 điều khoản mà trong PLHS *thực định* hiện hành tại Phần chung BLHS Việt Nam 2015 vẫn còn thiếu (như: Điều luật “*Giải thích các thuật ngữ*”, 07 điều thuộc chế định nhỏ về các nguyên tắc của PLHS, 04 điều thuộc chế định nhỏ về nhiều (đa) tội phạm và đặc biệt là, 09 điều thuộc chế định lớn về TNHS...). Do ở các mức độ khác nhau, chính các điều luật này không những sẽ góp phần đáng kể cho việc tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các quy phạm PLHS *thực định* của nước nhà mà còn là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho *thực tiễn áp dụng PLHS* của các cán bộ thực tiễn đang làm việc tại các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án tại Việt Nam.

2.3. Và cuối cùng, về mặt *nhận thức khoa học* - các luận điểm trong bài viết này sẽ hỗ trợ cho việc *nhận thức đúng và chính xác* hơn của các nhà luật học (nói riêng) và nhân dân (nói chung) về *vai trò các quy phạm PLHS thực định* trong việc bảo vệ các quyền con người bằng PLHS, sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện các quy phạm đó, nhất là đối với thực tiễn LPHS và áp dụng PLHS của các cán bộ thực tiễn trong lĩnh vực tư pháp hình sự (TPHS) tại các cơ quan công quyền về lập pháp, hành pháp và tư pháp của bộ máy Nhà nước, cũng như đối với quá trình nghiên cứu Luật hình sự của đội ngũ cán bộ khoa học - giảng dạy, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên *chuyên ngành TPHS* tại các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học Luật trên cả nước.

IV. LUẬN BÀN VỀ VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC SOẠN THẢO LÝ LUẬN HỌC THUYẾT VỀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Theo quan điểm đã được thừa nhận chung về mặt ngôn ngữ thì 1) *vai trò* được hiểu là: “*Chức năng, tác dụng của ai, của cái gì trong sự vận động, phát triển của nhóm, của tập thể nói chung*”, còn 2) *ý nghĩa* được hiểu là: “*...2. Giá trị tác dụng*”¹³. Như vậy, nhận thức khoa học về cách hiểu này đã cho phép khẳng định rằng, việc soạn thảo về mặt lý luận theo hướng nghiên cứu chuyên khảo *Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS* cho thấy, *vai trò*

¹² Vì sự thật là: Nhìn chung các công trình khác trong khoa học Luật hình sự Việt Nam này tuy cũng bàn về “*hoàn thiện*” nhưng không phải là *toàn bộ hệ thống PLHS thực định* nói chung, cũng như *toàn bộ Phần chung* hay *toàn bộ Phần riêng* của nó (mà chỉ là chế định lớn, nhỏ nào đó thuộc *Phần chung* hoặc nhóm tội phạm cụ thể tương ứng thuộc Chương nào đó Phần riêng BLHS hiện hành) nhưng thường thì các tác giả chỉ đi theo 02 hướng chính là 1) Bàn về *đối tượng nghiên cứu cơ bản* bằng cách chỉ ra các *nhược điểm* của các quy phạm thuộc chế định lớn, nhỏ tương ứng nào đó trong *Phần chung* hoặc *Phần riêng* BLHS hiện hành (mặc dù khi bàn về vấn đề này thường chỉ nói vòng vo, loanh quanh và/hoặc né tránh việc chỉ ra một cách thẳng thắn và công khai các *nhược điểm* đó) đồng thời; 2) Cũng đề xuất các giải pháp cho việc tiếp “*hoàn thiện*” một cách *chung chung* đối với chế định lớn, nhỏ tương ứng nào đó được nghiên cứu nên thường ít khi bảo đảm được sức thuyết phục đối với *thực tiễn LPHS* và áp dụng PLHS.

¹³ Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển Tiếng Việt. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010, các tr.1736 và tr. 1838.

và ý nghĩa của việc soạn thảo (nghiên cứu) như vậy sẽ được thể hiện thông qua **03** bình diện (khía cạnh) chủ yếu của việc soạn thảo (nghiên cứu) *Học thuyết* này là *chức năng* (1), *tác dụng* (2) và *giá trị* (3) của nó dưới đây.

1. Chức năng của việc soạn thảo (nghiên cứu) *Học thuyết* đang được bình luận là nhằm mục đích tạo ra được và nâng cao *nhận thức lý luận* trong xã hội đối với *Học thuyết* này với tư cách 01 bộ công cụ (phương tiện) khoa học mà các bộ phận cấu thành mang tính học thuật của nó chính là hệ thống những vấn đề lý luận riêng biệt mang tính quan điểm về *hoàn thiện hệ thống PLHS* Việt Nam hiện hành.

2. Tác dụng của việc soạn thảo (nghiên cứu) *Học thuyết* đang được bình luận là hỗ trợ cho việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống PLHS nói chung và PLHS thực định (tức BLHS năm 2015) nói riêng thông qua *chính bộ công cụ (phương tiện) khoa học* của nó được soạn thảo ra. Và bằng cách đó, góp phần phân định rõ **02 phạm vi nghiên cứu rộng và hẹp** (1) tương ứng với **02 đối tượng nghiên cứu** (2) mà ở các mức độ khác nhau tạo ra được **02 sản phẩm nghiên cứu khác nhau** (3). Tuy nhiên, việc soạn thảo đó đều đòi hỏi phải có *tư duy (nhận thức) logic khoa học* đúng đắn trong hoạt động lý luận để cùng đạt được **01** kết quả chung cuối cùng là hệ thống *những kiến giải lập pháp (KGLP) cụ thể được đề xuất* mà người nghiên cứu đưa ra (4) phải nhằm góp phần làm cho hệ thống PLHS ngày càng hoàn thiện tốt hơn, mà cụ thể đó là **02 phạm vi nghiên cứu (rộng và hẹp)** tương ứng với **02 đối tượng nghiên cứu** và đưa đến **02 sản phẩm nghiên cứu khác nhau** sau đây nhưng đều cùng phải hướng đến kết quả chung cuối cùng ở **02 mức độ (rộng và hẹp)** khác nhau dưới đây:

2.1. Nếu phạm vi nghiên cứu *rộng* (1) → đối tượng nghiên cứu là 01 *Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS* (2) → thì *sản phẩm nghiên cứu* chính là *bộ công cụ khoa học* với tư cách là các bộ phận cấu thành của hệ thống những vấn đề lý luận tạo nên chính *Học thuyết* đó (3) → và kết quả cuối cùng là những KGLP cụ thể mà người nghiên cứu phải đưa ra được nhằm làm cho các quy phạm *Phần chung* hay/ và *Phần riêng* của hệ thống PLHS nói chung hoặc ngày càng tốt hơn (4).

2.2. Nếu phạm vi nghiên cứu *hẹp* (1) →

đối tượng nghiên cứu là thực trạng các quy phạm cụ thể của chế định lớn, nhỏ tương ứng thuộc *Phần chung* hay *Phần riêng* của hệ thống PLHS cần phải hoàn thiện (2) → thì *sản phẩm nghiên cứu* chính là những vấn đề lý luận-thực tiễn nhằm trực tiếp sửa đổi - bổ sung các quy phạm của chế định lớn, nhỏ tương ứng thuộc *Phần chung* hay *Phần riêng* của hệ thống PLHS cần phải được hoàn thiện (3) → những KGLP cụ thể để góp phần làm cho các quy phạm của chế định lớn, nhỏ nào đó được nghiên cứu thuộc *Phần chung* hay *Phần riêng* của hệ thống PLHS ngày càng hoàn thiện tốt hơn (4).

3. Giá trị của việc soạn thảo (nghiên cứu) *Học thuyết* đang được bình luận có thể nhận thấy và được khẳng định trên **03** bình diện *LPHS* (1), *lý luận* (2) và *thực tiễn* (3) dưới đây:

3.1. Về mặt *LPHS*: Chính bằng những KGLP cụ thể tương ứng với hàng chục điều luật được soạn thảo trên cơ sở các tiêu chí cơ bản của *Học thuyết* về hoàn thiện PLHS thực định, Mô hình khoa học về *Dự thảo Phần chung PLHS* trong tương lai do chúng tôi đề xuất sẽ góp phần khắc phục các nhược điểm về KGLP hiện đang tồn tại trong *Phần chung* BLHS Việt Nam năm 2015 hiện hành và bổ sung những “kẽ hở” (lỗ hổng) tương ứng đó như Điều luật “*Giải thích các thuật ngữ*”, 07 điều luật thuộc chế định nhỏ về các nguyên tắc của PLHS, 04 điều thuộc chế định nhỏ về nhiều tội phạm và đặc biệt là 09 điều thuộc chế định lớn về trách nhiệm hình sự (TNHS)... Trong đó, có nhiều điều luật còn thiếu mà tuy lãnh đạo Bộ Tư pháp đã cầu thị và yêu cầu phải soạn thảo bổ sung nhưng chưa được triển khai¹⁴.

¹⁴Xem cụ thể hơn: Báo cáo “*Kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự*” tháng 3/2013. tr.20. - Trong tập tài liệu phát cho các đồng chí thành viên Ban soạn thảo và các đồng chí thành viên Tổ biên tập BLHS (sửa đổi) tại cuộc họp lần thứ hai của Ban soạn thảo và thành viên Tổ biên tập BLHS (sửa đổi) do Trưởng Ban soạn thảo, Bộ trưởng Tư pháp Hà Hùng Cường chủ trì (kèm theo Giấy mời số 168/GM-BTP ngày 18/3/2013 do Thứ trưởng Hoàng Thế Liên ký). Và đây chính là văn bản đầu tiên của Nhà nước trong quá trình soạn thảo BLHS năm 2015 mà các luận điểm tại trang 20 Khoản 1 Mục III “*Một số đề xuất, kiến nghị*” trong Báo cáo này có 05 dòng mà trong lãnh đạo Bộ Tư pháp

3.2. Về mặt lý luận: Những vấn đề học thuật có liên quan đến chủ đề đang bình luận nếu thành công sẽ chính là công trình nghiên cứu đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam trong suốt 76 năm qua (1945-2021) mà trong đó, bằng việc xây dựng nên (tức soạn thảo ra) bộ công cụ khoa học với tư cách là các bộ phận cấu thành chủ yếu của Học thuyết đã nêu.

3.3. Và cuối cùng, về mặt thực tiễn: Chính những vấn đề được soạn thảo sẽ là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho các hoạt động LPHS và áp dụng PLHS của các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các cơ quan công quyền thuộc cả 03 nhánh quyền lực Nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp), cũng như hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy về Luật hình sự của thực tiễn LPHS và áp dụng PLHS của các cán bộ giảng dạy và các cán bộ nghiên cứu đang công tác, các nghiên cứu sinh và học viên cao học thuộc chuyên ngành TPHS đang học tập tại các Viện NCKH và các cơ sở đào tạo sau đại học và đại học trong lĩnh vực pháp luật ở nước ta.

V. CÁC ĐIỂM MỚI TRONG KHOA HỌC CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ ĐỀ VỀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PLHS THỰC ĐỊNH VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nếu chủ đề nghiên cứu ở đây được triển khai một cách chuyên khảo và đồng bộ, có hệ thống và toàn diện trong khoa học luật hình sự Việt Nam thì có nghĩa là lần đầu tiên trong suốt cả chặng đường 76 năm qua (1945-2021) kể từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay sẽ giải quyết được những vấn đề học thuật mang tính quan điểm với tư cách là những bộ phận cấu thành chủ yếu của Học thuyết riêng biệt về hoàn thiện hệ thống PLHS trong NN PQ Việt Nam. Chẳng hạn như bằng việc phân tích khoa học những phạm trù lý luận được đặt ra, lần đầu tiên trong khoa học Luật hình sự

đã rất cầu thị và nhấn mạnh là: “Nghiên cứu bổ sung Phần chung BLHS một số khái niệm cơ bản để áp dụng thống nhất như: phạm tội nhiều lần; phạm tội; tổ chức tội phạm; tội phạm có tổ chức; trách nhiệm hình sự;... để làm cơ sở lý luận áp dụng trong thực tiễn;...v.v” (các chữ được in nghiêng là nguyên bản từ năm 2013 của Báo cáo, còn được in đậm là của chúng tôi để nhấn mạnh).

Việt Nam sẽ làm sáng tỏ cùng một lúc ít nhất là 15 nhóm vấn đề học thuật cơ bản tương ứng với 15 đối tượng nghiên cứu chủ yếu sau đây:

1. Cách tiếp cận và phân tích khoa học các luận điểm có liên quan của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII với việc hoàn thiện hệ thống PLHS hiện hành trong NN PQ Việt Nam.

2. Phân tích và luận chứng tính cấp thiết của việc nghiên cứu chuyên khảo về Học thuyết hoàn thiện hệ thống PLHS với tư cách là một hệ quan điểm học thuật riêng biệt trong NN PQ.

3. Phân tích và chỉ ra phạm vi của việc nghiên cứu chuyên khảo về Học thuyết hoàn thiện hệ thống PLHS.

4. Phân tích và chỉ ra vai trò và ý nghĩa của việc soạn thảo về mặt lý luận Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS.

5. Phân tích và chỉ ra những đối tượng nghiên cứu cơ bản của Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS.

6. Phân tích và luận chứng cho sự nhận thức khoa học đối với hệ thống những vấn đề học thuật cơ bản với tư cách là bộ công cụ khoa học của các bộ phận cấu thành chủ yếu trong Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS.

7. Phân tích và luận chứng hệ thống những phạm trù pháp lý (bao gồm các khái niệm và thuật ngữ) cơ bản cần được ghi nhận về mặt lập pháp khi hoàn thiện hệ thống PLHS.

8. Phân tích và luận chứng những nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện hệ thống PLHS.

9. Phân tích và luận chứng những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoàn thiện hệ thống PLHS.

10. Phân tích và luận chứng những tiêu chí cơ bản của việc hoàn thiện hệ thống PLHS.

11. Phân tích và luận chứng những yêu cầu (đòi hỏi) và giới hạn của việc hoàn thiện hệ thống PLHS.

12. Phân tích và luận chứng những ảnh hưởng của Học thuyết về hoàn thiện PLHS đối với các hoạt động thực tiễn về LPHS và về áp dụng PLHS.

13. Đưa ra nhận thức chung về những định hướng cơ bản cần được triển khai trong việc hoàn thiện hệ thống PLHS thực định

hiện hành.

14. Phân tích và chỉ ra *định hướng* tiếp tục hoàn thiện dưới góc độ kỹ thuật lập pháp (KTLP): 1) về *cơ cấu* và *nội hàm* của hệ thống *Phần chung*, cũng như 2) về *cơ cấu* của hệ thống *Phần riêng* PLHS thực định trong BLHS Việt Nam tương lai.

15. Và cuối cùng, phân tích và chỉ ra *hệ thống* những bảo đảm về các phương diện (mặt) khác nhau (như *khoa học*, *LPHS*, *áp dụng PLHS* và *chuyên môn* và một số mặt khác) cho việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống PLHS thực định hiện hành.

VI. KẾT LUẬN VẤN ĐỀ

Như vậy, từ sự phân tích khoa học về *sự cần thiết của việc nghiên cứu và một số suy ngẫm ban đầu có liên quan đến việc tiếp cận Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS* trong bài viết này, có thể đi đến một số kết luận cụ thể dưới đây:

1. Một là, trong giai đoạn phát triển hiện nay và những năm sắp tới của Nhà nước và pháp luật Việt Nam, bằng các luận điểm về hoàn thiện *đồng bộ* hệ thống pháp luật (trong đó có PLHS) của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, lần đầu tiên KHPL nước nhà (mà KHPL hình sự là 01 bộ phận cấu thành) đã có những triển vọng mới rộng mở, phong phú và đa dạng trong các hoạt động nghiên cứu của mình.

2. Hai là, do phạm trù “*hệ thống PLHS*” nói chung là rất rộng lớn, đa dạng và phức tạp vì ngoài văn bản PLHS *thực định* là BLHS do cơ quan lập pháp thông qua ra, còn có các văn bản PLHS khác của các cơ quan hành pháp và nhất là tư pháp nữa (vì có gắn với thực tiễn xét xử hình sự) nên trước mắt, ở đây chúng tôi chỉ bàn về PLHS *thực định*. Có nghĩa là để thực sự góp phần *làm phong phú hơn nữa* chuyên ngành KHPL hình sự Việt Nam đương đại, thiết nghĩ, trước mắt đã đến lúc các nhà khoa học - luật gia nước nhà cần chú ý *hết sức tập trung để hướng* việc soạn thảo các công trình NCKH mang tính đồng bộ và toàn diện với tư cách là *hệ thống những vấn đề học thuật riêng biệt* tương ứng theo **03** mảng vấn đề nghiên cứu cơ bản về PLHS *thực định* mà chúng tôi tạm đề xuất như sau:

2.1. Tiếp tục mở rộng hơn các nghiên cứu chuyên khảo tương ứng với việc hoàn thiện các chế định *lớn* trong *Phần chung* (như: về

Đạo luật hình sự, về Tội phạm, về Hình phạt, về Các biện pháp tha miễn hình sự, v.v...) và các quy định tương ứng theo các nhóm tội phạm trong *Phần riêng* PLHS *thực định*.

2.2. Triển khai các nghiên cứu chuyên khảo mới về hệ thống PLHS *thực định* theo hướng gắn với các *hoạt động thực tiễn* trong lĩnh vực hình sự (như: về *hoàn thiện PLHS*, về *LPHS*, về *áp dụng PLHS*, v.v...).

2.3. Và cuối cùng, đó là triển khai các nghiên cứu chuyên khảo mới về hệ thống PLHS *thực định* theo hướng xây dựng nên (tạo ra) các bộ công cụ về những vấn đề lý luận độc lập mang tính quan điểm với tư cách là *những bộ phận cấu thành* của các học thuyết (xu hướng học thuật) khác nhau nhằm sử dụng những bộ phận cấu thành đó (như các phạm vi, tiêu chí, yêu cầu... khác nhau) vào việc góp phần để thực hiện và đánh giá các *hoạt động thực tiễn* trong lĩnh vực hình sự (như: về *hoàn thiện PLHS*, về *LPHS*, về *áp dụng PLHS*...).

3. Ba là, từ trước đến nay, trong khoa học Luật hình sự Việt Nam đương đại mặc dù đã có một số công trình mà phạm vi và đối tượng của các nghiên cứu này là mới chỉ đề cập ở các mức độ nhất định đến các khía cạnh khác nhau của việc hoàn thiện *một số chế định lớn* nào đó trong *Phần chung* và *một số nhóm các quy định về từng nhóm tội phạm riêng biệt* trong *Phần riêng* PLHS *thực định* hiện hành của các BLHS nước ta, song cho đến nay việc nghiên cứu chuyên khảo để đưa ra các lập luận khoa học nhằm xây dựng nên (tạo ra được) 01 bộ công cụ (*phương tiện*) là *những vấn đề học thuật với tư cách là các bộ phận cấu thành của Học thuyết về hoàn thiện toàn bộ hệ thống PLHS* nước nhà vẫn còn là một khoảng trống.

4. Và cuối cùng, chính vì vậy, **bốn là**, những vấn đề được nghiên cứu ở đây đã minh chứng rằng, sự cần thiết của việc soạn thảo (nghiên cứu) về mặt lý luận *Học thuyết* đã nêu trong quá trình hoàn thiện hệ thống PLHS nước nhà rõ ràng là có *chức năng, tác dụng và giá trị* không thể phủ nhận trong việc phát triển và làm phong phú hơn nữa kho tàng lý luận của khoa học Luật hình sự nói riêng và KHPL nói chung (như đã được phân tích và chỉ ra trên đây./).